

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-ST

Ngày 20/ 08/2024.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên

- **Hội thẩm nhân dân:**

[1]. Ông Trần Đức Hoà;

[2]. Ông Phạm Thành Đô;

- **Thư ký phiên tòa:** Huỳnh Thị Tường Vy – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206 /DS-ST, ngày 01/11/2023 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số: 18/2024/QĐST-DS, ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chu Đ Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện của nguyên đơn theo ủy quyền:

Trần H H; sinh năm 1981(Có mặt).

Địa chỉ: Khu Tân Hưng, TT Đ , huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Điều Th Th L; sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện của bị đơn theo ủy quyền:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1981(Có mặt).

Địa chỉ: thôn 5, xã Đ , huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Điều M T; Sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Sơn Hoà, xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện của anh Điều M T theo ủy quyền:

Nguyễn V T; sinh năm 1981(Có mặt).

Địa chỉ: thôn 5, xã Đ , huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/08/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/02/2023 nguyên đơn có cho chị Điều Th Th L vay số tiền 1.800.000.000đ, các bên có lập biên bản, chị lãnh có ký vào giấy mượn tiền, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên khi đáo hạn ngân hàng xong bị đơn không trả tiền lại cho nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Điều Th Th L trả lại toàn bộ số tiền vay 1.800.000.000đ.

Bị đơn trình bày: Bị đơn có vay tiền, còn nợ số tiền 1.800.000.000đ như nguyên đơn trình bày là đúng, tuy nhiên khi vay các bên thỏa thuận hẹn khi nào đáo hạn ngân hàng xong thì sẽ trả tiền, hiện nay bà Lãnh chưa đáo hạn ngân hàng xong nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Điều M T mà anh Đức đang giữ làm tin, chị yêu cầu anh Đức trả lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Điều M T trình bày: Tôi có thửa đất số 73, tờ bản đồ số 22, tại Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 02 tháng 05 năm 2019 đứng tên bà Điều Thị Rai là bà nội và cho tặng cho tôi vào ngày 16 tháng 5 năm 2019, thửa đất số 223 tờ bản đồ số 29, cũng được tặng cho vào năm 2019, việc mẹ tôi bà Điều Th Th L đưa hai cuốn sổ đỏ của Tôi cho anh Chu Đ Đ để vay tiền thì tôi không biết, vì sổ đỏ để ở nhà để mẹ tôi giữ, mẹ tôi đưa sổ đỏ cho anh Chu Đ Đ Tôi hoàn toàn không biết, hiện nay Tôi yêu cầu anh Đức trả lại hai cuốn sổ đỏ cho Tôi và mẹ tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy ngày 16/02/2023 chị Điều Th Th L có vay của anh Chu Đ Đ số tiền 1.800.000.000đ, các bên đều thừa nhận là đúng.

Trong giấy mượn tiền bị đơn có cam kết mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả lại tiền cho ông Đức.

Bị đơn cho rằng mình chưa đáo hạn xong nên chưa trả tiền cho nguyên đơn. Tuy nhiên trong Biên bản đối chất ngày 19/03/2024, chị Điều Th Th L thừa nhận Tôi vay tiền

của anh Chu Đ Đ, mục đích là lấy tiền để đáo hạn trả nợ ngân hàng cho khoản vay của Điều M T (Tôi đưa tiền cho Trường để trả ngân hàng), do vậy khi vay tiền của Đức và trả nợ ngân hàng xong Tôi và Trường không vay lại được nữa.

Theo xác nhận của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bù Đăng cung cấp ngày 18/01/2024, thì vào ngày 16/11/2023 chị Điều Th Th L đã tắt toán khoản vay số 202205505 và không vay lại (có nghĩa đã trả nợ ngân hàng xong nhưng không tiếp tục vay lại).

Ngoài ra tài liệu chứng cứ mà ngân hàng cung cấp, ngày 16/02/2023 thì anh Điều M T đã tắt toán, trả nợ ngân hàng số tiền 1.479.523.835đ.

Như vậy bị đơn đã trả nợ xong cho ngân hàng, việc bị đơn không vay tiền của ngân hàng nữa là quyền của bị đơn, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay 1.800.000.000đ.

Về tiền lãi : Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Xét yêu cầu của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Điều M T yêu cầu anh Chu Đ Đ trả lại về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 917839, thửa đất số 73, tờ bản đồ số 22, tại Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước ký ngày 02 tháng 05 năm 2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03065 đứng tên bà Điều Thị Rai , đã đăng ký biến động cho anh Điều M T vào ngày 03/07/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 917837, thửa đất số 223, tờ bản đồ số 29, tại Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 02 tháng 05 năm 2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03063 đứng tên bà Điều Thị Rai, đã đăng ký biến động cho anh Điều M T vào ngày 03/07/2019.

Chị Điều Th Th L đã đưa cho anh Chu Đ Đ để làm tin, không có sự đồng ý của anh Điều M T, anh Chu Đ Đ thừa nhận mình đang cầm giữ, việc thế chấp không theo quy định pháp luật, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Điều M T, anh Chu Đ Đ có nghĩa vụ trả lại chị Điều Th Th L, anh Điều M T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2024/QĐ- BPKCTT ngày 10/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước vẫn tiếp tục được duy trì. Việc hủy bỏ được thực hiện theo quy định pháp luật.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 1.800.000.000đ nên số tiền án phí là 66.000.000đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.000.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001315 ngày 01/11/2023.

Chấp nhận yêu cầu của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Điều M T nên anh Chu Đ Đ có nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho anh Điều M T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009190 ngày 14/05/2024.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chi Điều Th Th L trả cho nguyên đơn anh Chu Đ Đ số tiền gốc 1.800.000.000đ.

[2] Chấp nhận yêu cầu của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Điều M T, anh Chu Đ Đ trả lại chi Điều Th Th L, anh Điều M T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 917839, thửa đất số 73, tờ bản đồ số 22, tại Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 02 tháng 05 năm 2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03065 đứng tên bà Điều Thị Rai, đã đăng ký biến động cho anh Điều M T vào ngày 03/07/2019 và chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 917837, thửa đất số 223, tờ bản đồ số 29, tại Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 02 tháng 05 năm 2019, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03063 đứng tên bà Điều Thị Rai, đã đăng ký biến động cho anh Điều M T vào ngày 03/07/2019.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2024/QĐ- BPKCTT ngày 10/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước vẫn tiếp tục được duy trì. Việc huỷ bỏ được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn chi Điều Th Th L nộp tiền án phí DSST là 66.000.000đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn anh Chu Đ Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.000.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001315 ngày 01/11/2023.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho anh Điều M T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009190 ngày 14/05/2024.

Anh Chu Đ Đ có nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BD;
- CCTHA huyện BD;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên